

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 2472/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 09 tháng 08 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của dự án Khắc phục hậu quả thiên tai năm 2021
trên địa bàn huyện Tây Sơn, Vĩnh Thạnh và Vân Canh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2049/STNMT-CCBVMT ngày 03/8/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khắc phục hậu quả thiên tai năm 2021 trên địa bàn huyện Tây Sơn, Vĩnh Thạnh và Vân Canh;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án dự án Khắc phục hậu quả thiên tai năm 2021 trên địa bàn huyện Tây Sơn, Vĩnh Thạnh và Vân Canh đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 437/BQL-KTTĐ ngày 05/8/2022 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 643/TTr-STNMT ngày 08/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khắc phục hậu quả thiên tai năm 2021 trên địa bàn huyện Tây Sơn, Vĩnh Thạnh và Vân Canh (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại huyện Tây Sơn, Vĩnh Thạnh và Vân Canh, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- BQLDA Nông nghiệp và PTNT;
- UBND các huyện Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, Vân Canh;
- UBND các xã: Tây Thuận, Bình Tường, Canh Vinh;
- UBND thị trấn Vĩnh Thạnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI NĂM 2021
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TÂY SƠN, VĨNH THẠNH VÀ VÂN CANH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khắc phục hậu quả thiên tai năm 2021 trên địa bàn huyện Tây Sơn, Vĩnh Thạnh và Vân Canh.

- Địa điểm thực hiện: huyện Tây Sơn, Vĩnh Thạnh và Vân Canh, tỉnh Bình Định.

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi: Diện tích thực hiện dự án là 4,35 ha (trong đó: diện tích chiếm đất vĩnh viễn 2,9 ha; diện tích chiếm đất tạm thời 1,45 ha).

- Quy mô: xây dựng các tuyến kè với tổng chiều dài 2.855,5 m và đường thi công kết nối với đường dân sinh.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình:

a) Các hạng mục công trình chính:

Đầu tư xây dựng các tuyến kè trên sông Kôn và sông Hà Thanh, tổng chiều dài 2.855,5 m và đường thi công kết hợp quản lý vận hành kết nối với đường dân sinh, bao gồm:

- Kè bờ hữu sông Kôn, xã Tây Thuận và Bình Tường, huyện Tây Sơn dài 1.924,3 m, gồm 02 đoạn:

+ Đoạn 1: Kè bờ hữu sông Kôn, xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn dài 800 m; điểm đầu tại đường xuống sông hiện có, điểm cuối tại thượng lưu mỏ cát xã Tây Thuận.

+ Đoạn 2: Kè bờ hữu sông Kôn, xã Bình Tường, huyện Tây Sơn dài 1.124,3 m; điểm đầu tại thôn Hòa Trung, điểm cuối hết khu dân cư thôn Hòa Trung.

- Kè bờ hữu sông Kôn, thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh dài 385 m; điểm đầu tại hạ lưu cầu Vĩnh Hiệp, điểm cuối cách cầu Vĩnh Hiệp 385 m về hạ lưu được kết nối với đường dân sinh.

- Kè suối Nhiên, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh dài 450 m.

- Kè bảo vệ 2 bên đầu cầu và gia cố mặt đầu cầu Ngô La, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh dài 96,2 m; điểm đầu cách thượng lưu cầu Ngô La 96,2 m, điểm

cuối tiếp giáp với mô cầu Ngô La.

- Đường thi công kết hợp quản lý vận hành kết nối với đường dân sinh.

- Xây dựng 11 công tưới tiêu bằng BTCT trên tuyến kè có đường kính D600 - D800mm, tuyến đường giao thông trên thân kè.

b) Các hạng mục công trình phụ trợ:

5 bãi tập kết nguyên vật liệu với diện tích 500 m²/bãi; 05 bãi lưu chứa đất đào với diện tích 1.000 m²/bãi; 05 nhà vệ sinh di động; 05 lán trại tạm.

1.3.3. Các hoạt động của dự án: Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất đào, đắp; đền bù, giải phóng mặt bằng; phát quang dọn dẹp mặt bằng; đắp đất đường thi công; đắp đất, thi công các hạng mục công trình trên kè và hoàn thiện công trình.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 458,9 m² và ảnh hưởng đến sinh kế của khoảng 20 hộ dân.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động thi công xây dựng kè và các công trình trên kè: nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị thi công.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp: phát sinh bụi, khí thải tác động đến người dân sống dọc tuyến đường vận chuyển, nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Tác động không liên quan đến chất thải: gây xáo trộn, làm thay đổi môi trường sống của một số loài thủy sinh, ảnh hưởng đến người dân trên tuyến đường vận chuyển, ảnh hưởng đến chất lượng nước hạ lưu khu vực thi công.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,8 m³/ngày. Tính chất chứa hàm lượng các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng phát sinh với lưu lượng khoảng 2 m³/ngày. Tính chất chứa nhiều cặn lơ lửng, đất cát, dầu mỡ từ máy móc, thiết bị.

- Nước mưa chảy tràn cuốn theo đất đá trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng, đắp đất, thi công các hạng mục công trình và vận chuyển nguyên vật liệu thi công. Thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của công nhân phát sinh khối lượng khoảng 34,2 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, vỏ trái cây,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh khối lượng khoảng 300 m³. Thành phần chủ yếu là thân cây, lá, gốc cây,...

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh khối lượng khoảng 415 kg trong suốt quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, ni lông, sắt, thép vụn,...

- Đất đổ thải trong phạm vi Dự án phát sinh với tổng khối lượng khoảng 12.527 m³. Thành phần chủ yếu gồm đất nạo vét hữu cơ, đất đào không đạt chuẩn thải bỏ.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại từ quá trình thi công dự án phát sinh với khối lượng khoảng 49 kg. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ, giẻ lau, bóng đèn huỳnh quang thải,...

3.4. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng ảnh hưởng đến các khu dân cư hiện trạng lân cận và các khu dân cư dọc tuyến đường vận chuyển trong suốt quá trình thi công.

3.5. Các tác động khác

- Tác động không liên quan đến chất thải: tác động từ quá trình chiếm dụng đất, hoạt động thi công ảnh hưởng đến giao thông khu vực,...

- Sự cố, rủi ro: sự cố về kỹ thuật, sự cố cháy nổ, sự cố tai nạn lao động, sự cố ngập úng,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động với dung tích 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý hoặc thuê nhà vệ sinh của người dân tại khu vực.

- Nước thải xây dựng: nước từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị trong quá trình thi công, ... thu gom và tái sử dụng cho quá trình xây dựng.

- Nước mưa chảy tràn: thường xuyên kiểm tra, nạo vét khơi thông các mương thoát nước tạm thời, thu dọn vật liệu xây dựng rơi vãi, tránh hiện tượng nước mưa cuốn trôi vật liệu xuống sông.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Thường xuyên phun nước giảm bụi tại các khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào ngày nắng.

- Đối với các phương tiện vận chuyển: vận chuyển đúng tải trọng cho phép, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu: sử dụng bạt che chắn đảm bảo không phát tán bụi ra môi trường.

- Bố trí công nhân vệ sinh đất, cát rơi vãi trên đường và tại khu vực thi công.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy đặt tại khu vực lán trại; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom và xử lý theo quy định.

- Đất đào và chất nạo vét hữu cơ phát sinh từ hoạt động thi công tuyến kè bờ hữu sông Côn, thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh được thu gom, tập kết tại bãi lưu chứa đất thải tạm trước khi đưa về khu vực đổ thải tại khu quy hoạch mở rộng nghĩa địa thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh (diện tích khoảng 0,66 ha, chiều cao đổ thải 2,5 m).

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại mỗi công trường thi công, có dán nhãn nhận biết theo quy định.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành. Hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, xử lý (tối thiểu 06 tháng/lần) và lưu giữ chứng từ xử lý để gửi đơn vị chức năng theo quy định.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc thiết bị hư hỏng.

- Quy định áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất

Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dẫn xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công

a) Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

b) Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

- Xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy.

- Khẩn trương sơ tán, ứng cứu kịp thời, hạn chế tối đa thiệt hại và thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

c) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động:

- Xây dựng nội quy làm việc tại công trường, an toàn điện, an toàn giao thông, an toàn cháy nổ và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công ngày lễ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

d) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

- Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước ngày mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

4.5.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành

- Áp dụng các biện pháp quản lý công trình, kế hoạch phòng chống lụt bão theo Luật Đê điều và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều.

- Thực hiện đúng quy trình vận hành, quản lý bảo dưỡng công trình theo quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 05 điểm giám sát, cụ thể: 01 điểm tại khu dân cư phía Nam hạng mục Kè bờ hữu sông Kôn, xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn (tọa độ: 604.097; 1.522.276); 01 điểm tại tuyến đường vận chuyển qua khu dân cư phía Nam hạng mục Kè bờ hữu sông Kôn, xã Bình Tường, huyện Tây Sơn (tọa độ: 604.097; 1.522.269); 01 điểm tại Khu dân cư hiện trạng phía nam hạng mục Kè bờ hữu sông Kôn, thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh (tọa độ: 604.100; 1.522.270); 01 điểm tại Khu dân cư hiện trạng phía Tây hạng mục kè suối Nhiên, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh (tọa độ: 604.905; 1.522.268); 01 điểm tại Chân cầu Ngô La, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh (tọa độ: 588.200; 1.518.223).

- Chỉ tiêu giám sát: tổng bụi lơ lửng, tiếng ồn.

- Tần suất giám sát: 02 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.

5.2. Giám sát môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại sông Kôn, thuộc khu vực xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn (tọa độ: 1.546.040; 564.239); 01 điểm tại khu vực sông Kôn, thuộc khu vực xã Bình Tường, huyện Tây Sơn (tọa độ: 1.539.597; 570.224); 01 điểm tại Nước mặt tại vị trí hạ lưu cầu Vĩnh Hiệp, thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh (tọa độ: 1.560.442; 558.057); 01 điểm tại khu vực suối Nhiên, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh (tọa độ: 1.517.032; 588.874); 01 điểm nước nặt tại chân cầu Ngô La, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh (tọa độ: 1.518.218; 588.185).

- Chỉ tiêu giám sát: TSS.
- Tần suất giám sát: 02 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.
- Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.

5.3. Giám sát chất thải rắn

- Vị trí giám sát: khu vực tập kết chất thải rắn (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại).
- Thông số giám sát: Thành phần và khối lượng các chất thải phát sinh.
- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

5.4. Các giám sát khác

- Giám sát sạt lở, bồi lấp khu vực thi công, an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ, an toàn lao động.

- Vị trí giám sát: các khu vực đào đắp, khu vực tiếp nhận đổ thải, các khu đông dân cư, các vị trí nút giao thông, khu lán trại công nhân, vị trí tập kết máy móc, vị trí lưu giữ nguyên vật liệu.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian thi công.

5.5. Giám sát trong giai đoạn vận hành: Giám sát tính an toàn, ổn định của các hạng mục công trình hằng năm tổ chức các đợt giám sát tính an toàn, ổn định, kiểm tra các vết nứt, hiện tượng sạt lở mái kè, thấm lậu chân kè... kịp thời phát hiện và khắc phục.